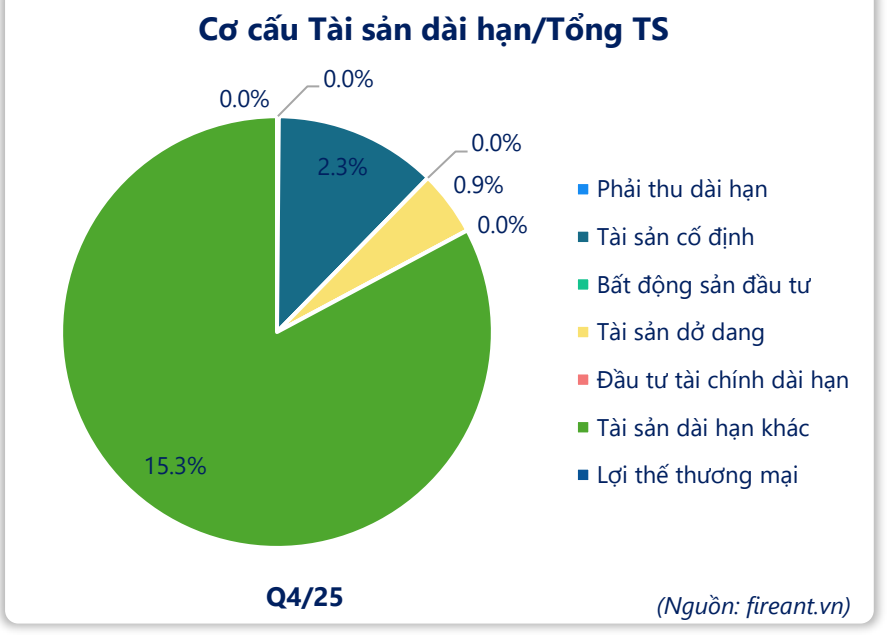
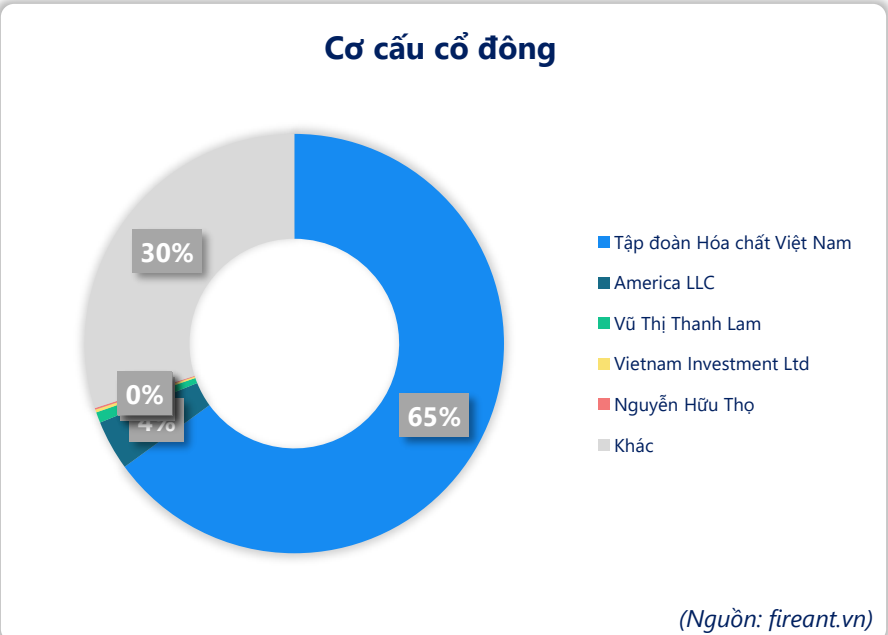
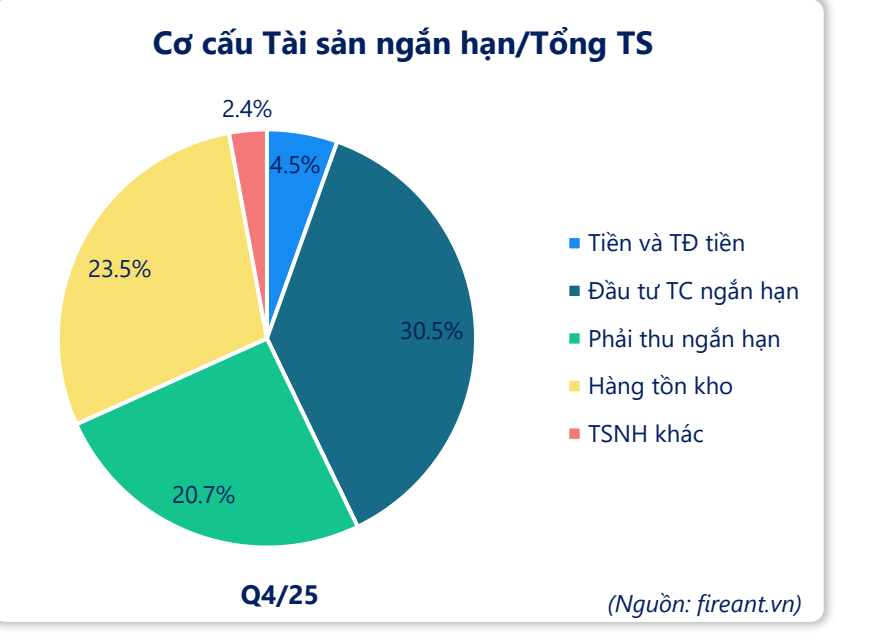
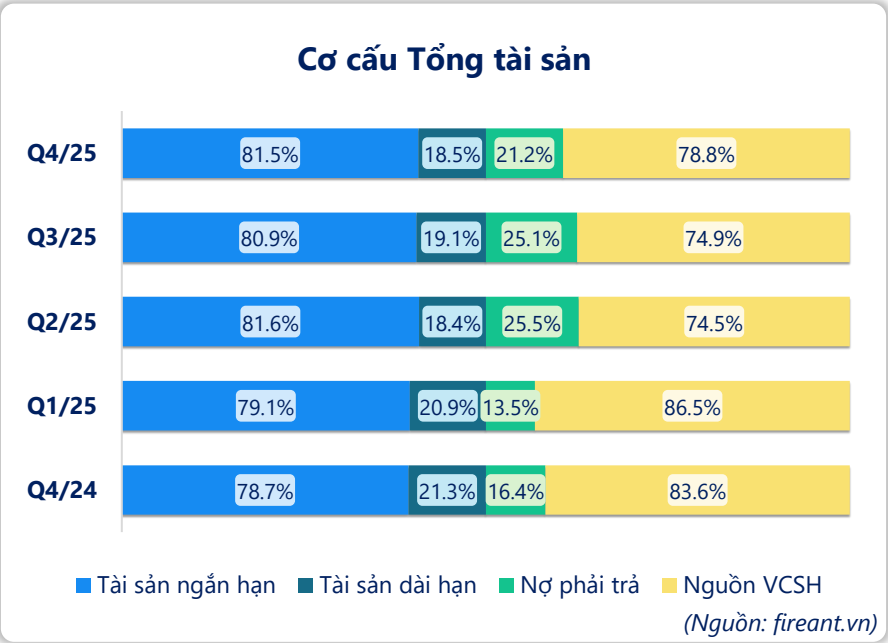
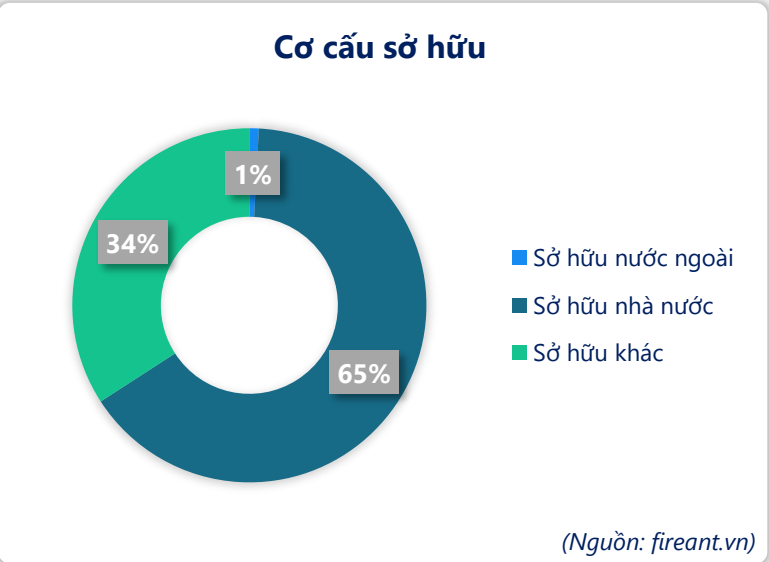
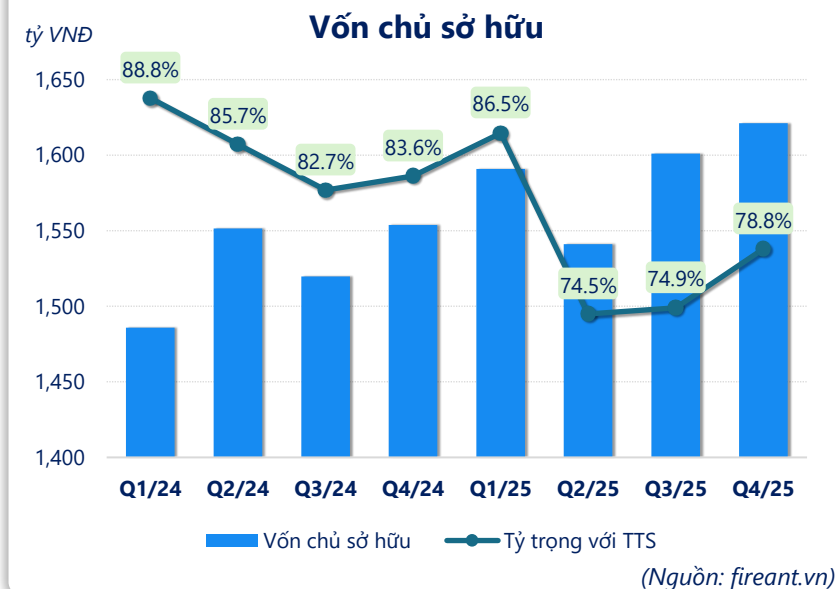
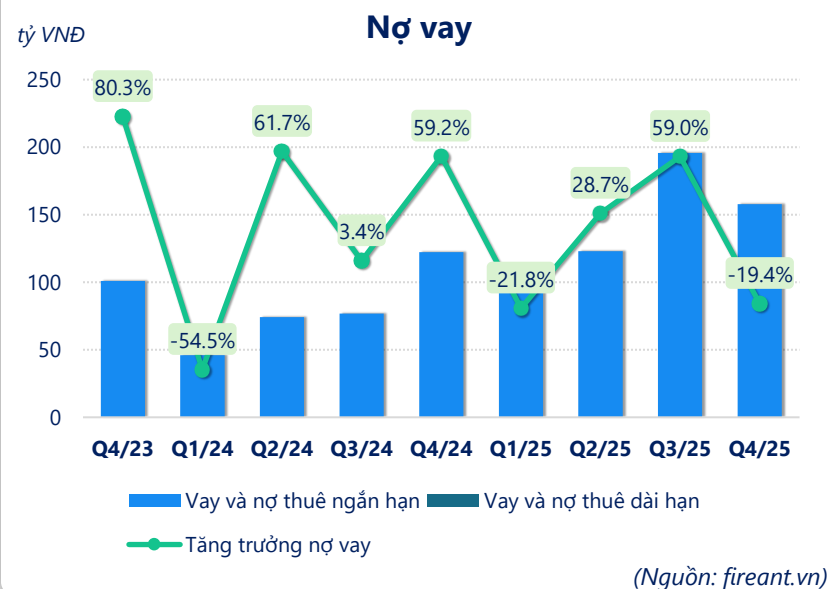
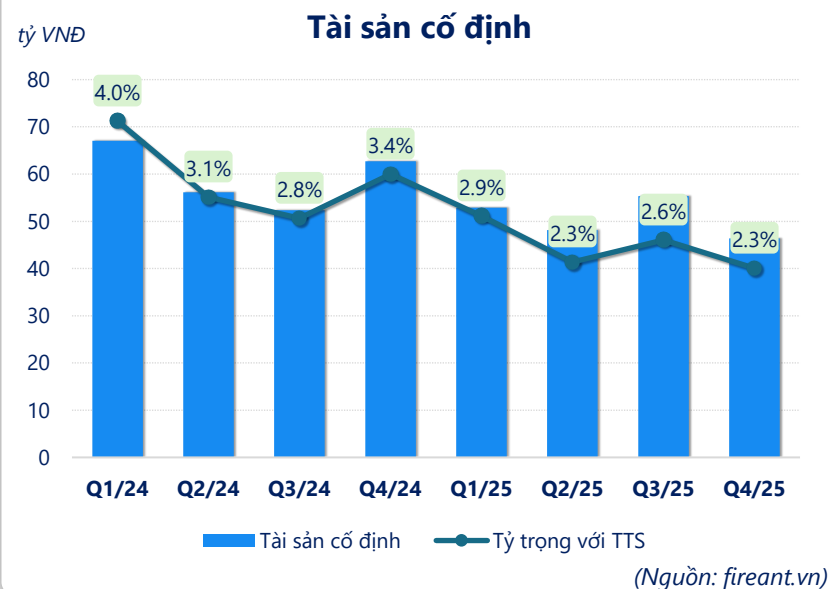
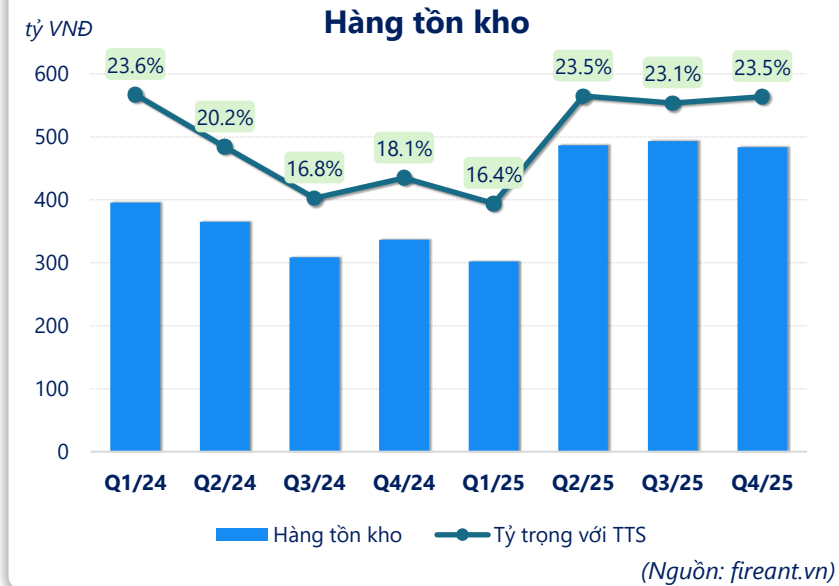
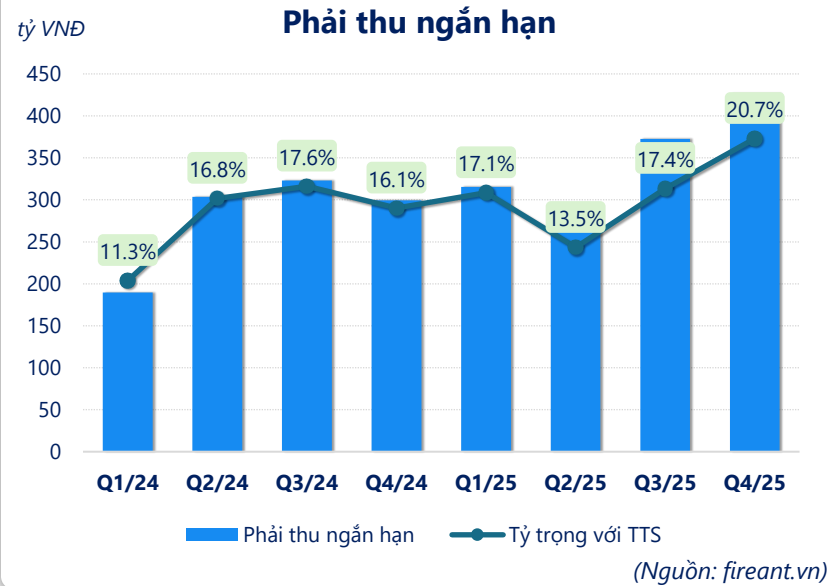
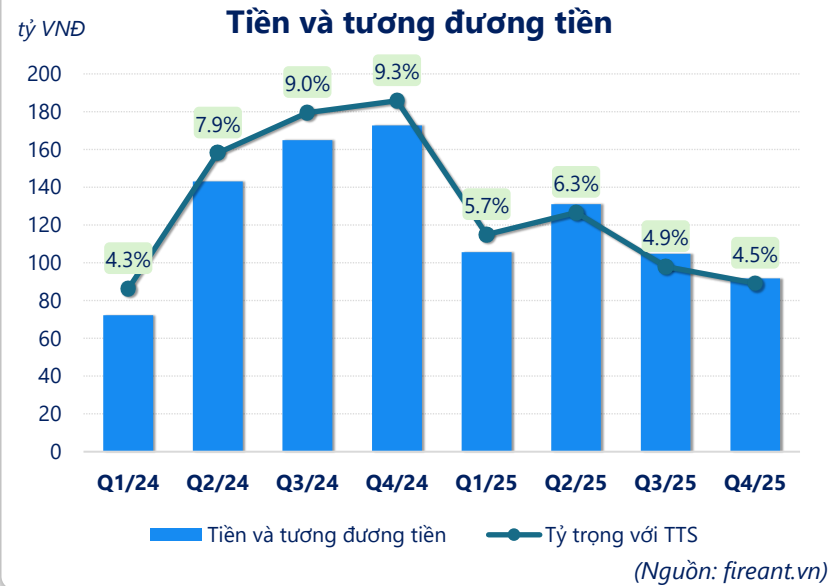
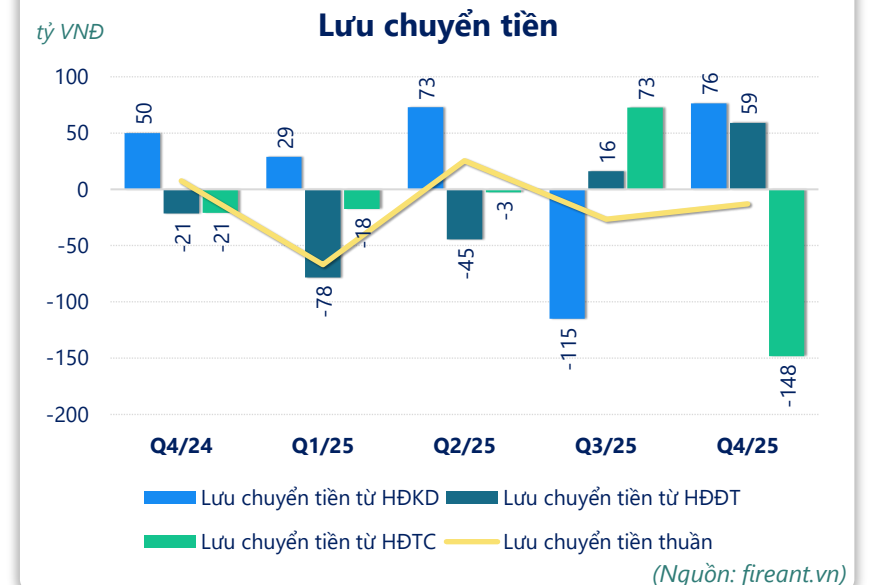
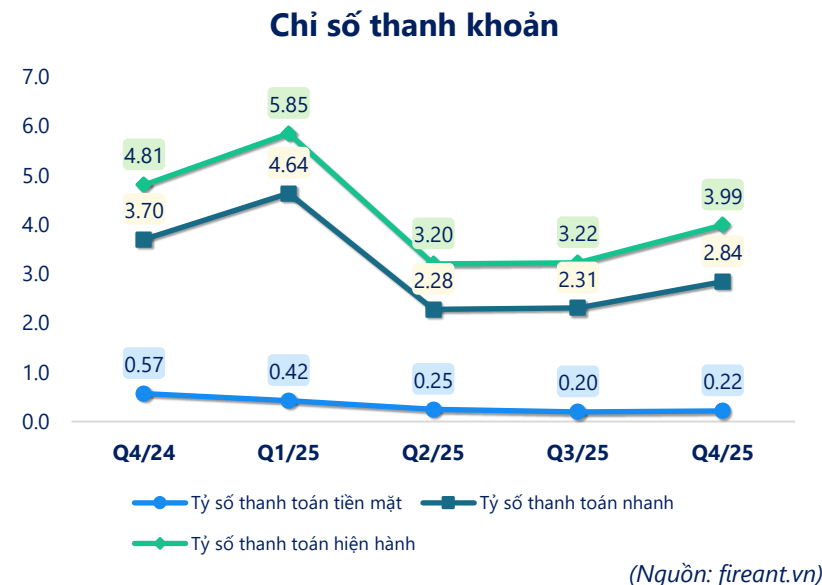
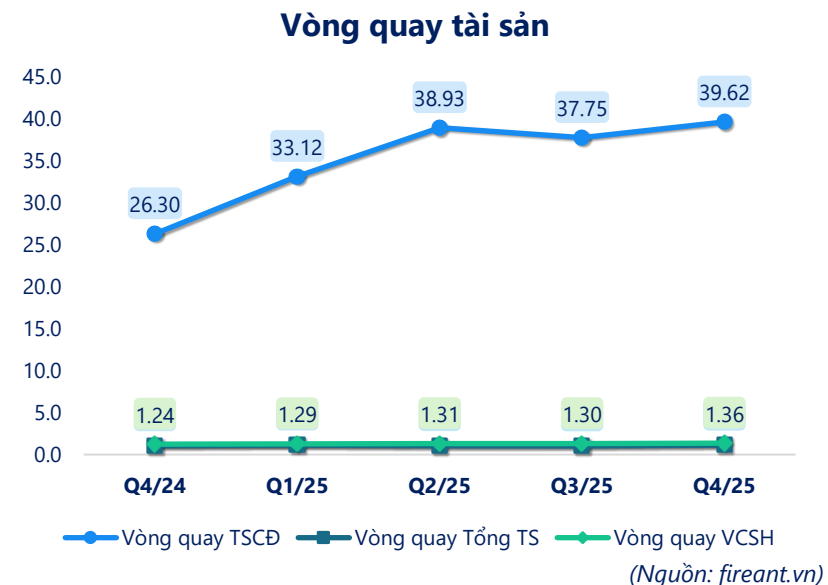
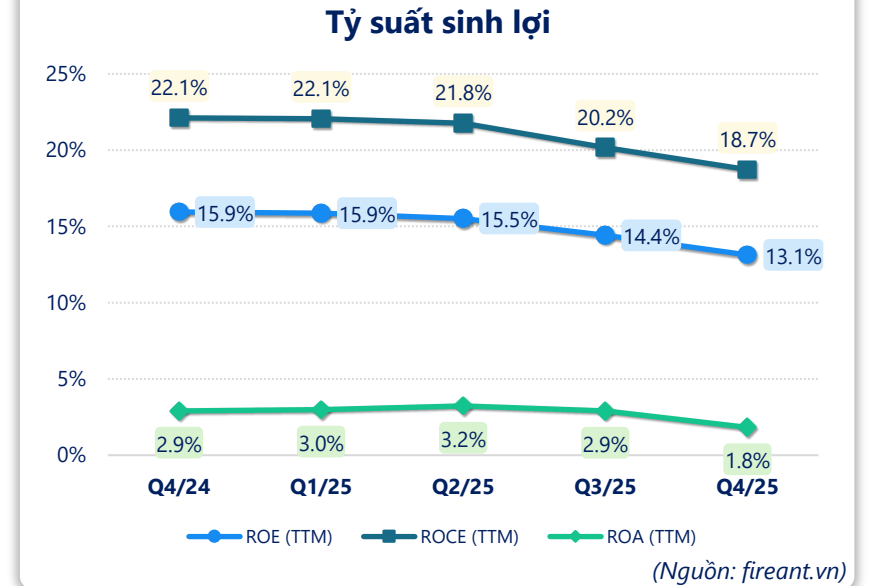
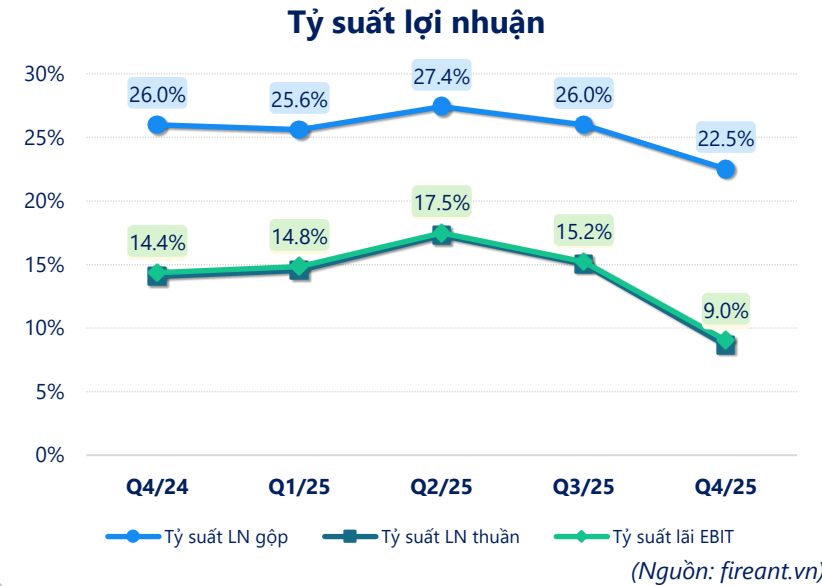
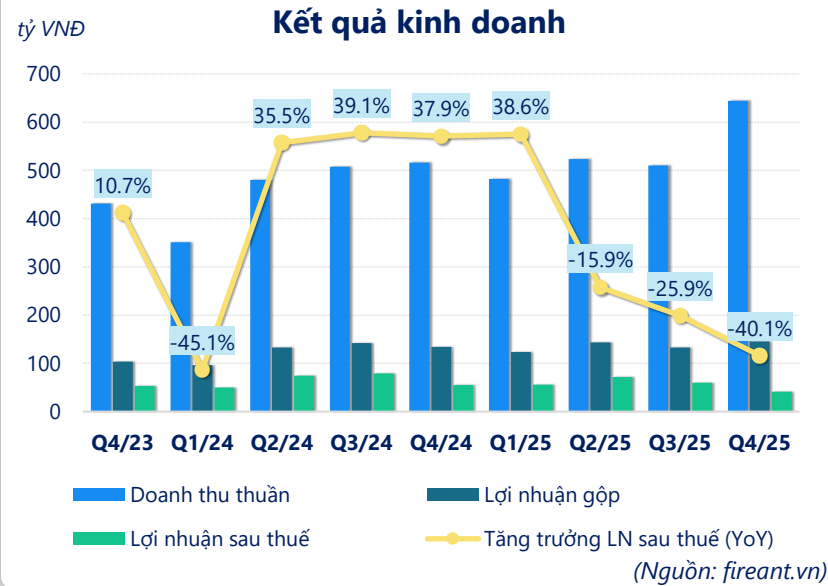


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,381
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,900
SL cổ phiếu LH		110,499,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)		380,415
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,017
P/E		14.5
EPS		1,887

	YTD	1T	3T	6T
CSV	-39.8%	-11.7%	-11.5%	-25.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,057	1,859	10.7%
Tài sản ngắn hạn	1,677	1,464	14.6%
Tiền và tương đương tiền	91.7	173	-46.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	627	605	3.6%
Phải thu ngắn hạn	426	296	43.9%
Hàng tồn kho	483	341	41.9%
Tài sản ngắn hạn khác	48.8	49.5	-1.4%
Tài sản dài hạn	380	395	-3.8%
Phải thu dài hạn	0.51	0.43	19.6%
Tài sản cố định	46.4	62.7	-26.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.5	3.12	493%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	315	329	-4.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	436	305	43.1%
Nợ ngắn hạn	421	305	37.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	158	122	29.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	100	33.4	200%
Nợ dài hạn	15.8	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,621	1,554	4.3%
Vốn chủ sở hữu	1,621	1,554	4.3%
Vốn điều lệ	1,105	1,105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	516	482	524	510	644
Giá vốn hàng bán	382	359	380	378	499
Lợi nhuận gộp	134	124	144	133	145
Doanh thu HĐTC	9.02	9.55	12.6	11.0	9.53
Chi phí TC	0.99	1.43	1.25	2.09	2.46
Chi phí lãi vay	0.88	1.01	1.07	2.07	2.31
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.8	34.7	38.9	42.5	54.6
Chi phí QLDN	36.8	26.9	25.5	22.2	41.9
LN thuần từ HĐKD	72.6	70.1	90.5	76.8	55.6
Lợi nhuận khác	0.60	0.40	-0.02	-1.27	0.16
LN trước thuế	73.2	70.5	90.5	75.5	55.8
Lợi nhuận sau thuế	55.1	56.0	71.8	60.1	41.0
LNST của CĐ cty mẹ	52.1	52.4	62.6	57.8	35.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.8	28.9	72.8	-115	76.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.4	-78.3	-44.6	16.0	58.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.9	-17.5	-2.79	72.6	-148
Tiền đầu kỳ	165	173	106	131	105
Lưu chuyển tiền thuần	7.54	-66.9	25.4	-26.4	-13.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0.00	-0.09	0.10	-0.01
Tiền cuối kỳ	173	106	131	105	91.7

(Nguồn: fireant.vn)